

THỰC TRẠNG THU HÚT FDI CỦA EU VÀO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - EU (EVFTA) CÓ HIỆU LỰC

Trần Việt Trang
Khoa Kế toán Tài chính, Trường Đại học Hải Phòng
Email: trangtv@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 23/11/2023
Ngày PB đánh giá: 07/01/2024
Ngày duyệt đăng: 26/3/2024

TÓM TẮT: EU là một nhà đầu tư rất lớn, thực hiện đầu tư vào thị trường Việt Nam đã được hơn 30 năm. Hoạt động đầu tư giữa Việt Nam và EU ngày càng sâu rộng hơn trong thời gian gần đây. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU được coi như tuyến đường cao tốc để đẩy mạnh giao thương giữa hai bên lên tầm cao mới. Khoảng thời gian từ năm 2019 trở về trước là lúc EVFTA chưa có hiệu lực thì hoạt động đầu tư của EU vào Việt Nam còn khiêm tốn so với tổng khối lượng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các quốc gia trong khối, lĩnh vực đầu tư chủ yếu vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất điện và kinh doanh bất động sản. Vậy sau khi EVFTA có hiệu lực thì FDI của EU và Việt Nam sẽ thay đổi như thế nào? Bài báo sẽ đề cập tới sự thay đổi trong hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư EU qua các mặt: Lượng vốn đầu tư, số lượng dự án, lĩnh vực đầu tư, địa bàn đầu tư trước và sau khi EVFTA có hiệu lực. Để từ đó đánh giá những kết quả đạt được của Việt Nam và những hạn chế còn tồn tại trong việc thu hút FDI từ các quốc gia trong EU trong bối cảnh Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU có hiệu lực.

Từ khóa: FDI, đầu tư, EU, EVFTA, Hiệp định thương mại tự do.

THE CURRENT SITUATION OF FDI ATTRACTION FROM EU TO VIETNAM IN THE CONTEXT OF VIETNAM - EU FREE TRADE AGREEMENT (EVFTA) TOOK EFFECT

ABSTRACT: EU has considered the huge investor in Vietnam market for more than 30 years. The investment activities between Vietnam and EU have been more extensive recently. The free trade agreement between Vietnam and EU is considered the highway to promote trading between the two parties to a new level. During the period from 2019 onwards, when the EVFTA had not yet taken effect, the investment flow from EU to VN was rather low in comparison to the total volume of direct foreign investment coming out from EU members to other countries when foreign investment flows from EU to other countries mainly focus on: processing and manufacturing industries, electrical power production and real estate. How would EU's FDI and Vietnam change after the EVFTA took effect? This paper will mention the changes in the investment activities of EU investors through the following perspectives: Amount of investment capital, number of projects, investment fields, investment areas before and after EVFTA took effect. Since the author will evaluate the achievements of Vietnam and the

remaining limitations in attracting FDI from EU members to VN under the light of EVFTA.

Keywords: FDI, investment, EU, EVFTA, The Free Trade Agreement (FTA).

1. GIỚI THIỆU

Tháng 11/2020, Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (28/11/1990 - 28/11/2020), trong bối cảnh quan hệ giữa hai bên vừa có bước đột phá quan trọng, với việc Hiệp định Thương mại tự do EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/08/2020. Hơn 30 năm trên con đường đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam, 27 nước thành viên trong EU luôn là những đối tác vô cùng quan trọng của Việt Nam. Kim ngạch thương mại Việt Nam - EU đã tăng 17 lần trong 20 năm qua, đạt 56.45 tỉ USD năm 2019 và Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ hai của EU trong ASEAN (sau Singapore), trong đó Việt Nam xuất khẩu vào EU 41.54 tỉ USD hàng hóa và nhập khẩu từ EU 14.9 tỉ USD. EU luôn là thị trường Việt Nam xuất siêu lớn thứ hai (sau Hoa Kỳ), khối lượng ngày càng tăng, giúp Việt Nam bù đắp được thâm hụt thương mại lớn với Trung Quốc, Hàn Quốc... Năm 2020, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU được thực thi, kỳ vọng sẽ là cú hích để Việt Nam đón làn sóng đầu tư lớn từ châu Âu. Tuy nhiên trong hơn hai năm từ khi EVFTA có hiệu lực, chịu ảnh hưởng đại dịch Covid-19 thì hoạt động đầu tư từ các nước thành viên châu Âu vào Việt Nam đã có những thay đổi nhất định. Bài viết sẽ đi phân tích những thay đổi trong hoạt động đầu tư nước ngoài của EU vào Việt Nam trước và sau khi EVFTA có hiệu lực. Qua đó sẽ chỉ ra những kết quả đạt được và những hạn chế đang còn tồn tại tại Việt Nam trong việc nắm bắt cơ hội tiếp nhận đầu tư từ EU khi EVFTA có hiệu lực.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Tác giả Nguyễn Minh Phương, “Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam” (2020) đã phân tích số liệu về khả năng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam nói chung và đầu tư từ EU vào Việt Nam nói riêng. Tác giả đi sâu vào làm rõ các nhóm nhân tố tác động đến FDI của các nước thành viên trong EU và đặc biệt chú ý đến nhóm nhân tố tạo ra bởi FTA. Trên cơ sở đó đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của EVFTA đến FDI từ EU vào Việt Nam.

Trong đề tài nghiên cứu “Chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Việt Nam đến năm 2030” được công bố năm 2022, tác giả Lê Như Quỳnh đã thống kê số liệu và phân tích tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam từ năm 2010 đến 2021, trên cơ sở đó tác giả tiến hành đánh giá kết quả và hạn chế của các chính sách thu hút vốn FDI vào Việt Nam trong giai đoạn này. Nhưng đề tài không đề cập EVFTA và tác động của EVFTA đến vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Nghiên cứu ở nước ngoài thì có Baker và các cộng sự (2014), nhóm tác giả đã đi đánh giá vai trò của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đối với hai bên tham gia. Nghiên cứu dự báo nhờ dòng vốn từ các nhà đầu tư EU và sự cải thiện năng suất lao động mà kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng đáng kể. Theo ước tính, FTA sẽ giúp GDP tăng cao hơn so với mức xu hướng khoảng 7%-8% cho tới năm 2025. Tuy nhiên báo cáo chủ yếu giới thiệu mối quan hệ Thương mại và đầu tư

Việt Nam - EU, đề cập đến Hiệp định EVFTA, đánh giá tác động về định lượng dựa trên những số liệu thu thập được tại thời điểm đó, chưa chịu sự tác động của đại dịch Covid-19 và sự đứt gãy chuỗi cung ứng sau đại dịch.

Tuy nhiên các nghiên cứu đều chưa có số liệu, phân tích được những thay đổi trong hoạt động đầu tư từ EU vào Việt Nam khi EVFTA có hiệu lực, đặc biệt dưới tác động của đại dịch Covid-19 vừa xảy ra trên thế giới. Đây chính là khoảng trống trong nghiên cứu của vấn đề mà tác giả sẽ đề cập tới trong bài viết.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích thực trạng thu hút vốn FDI của EU vào Việt Nam, phương pháp thống kê phân tổ đối với các số liệu về vốn FDI vào Việt Nam nói chung và vốn FDI của EU vào Việt Nam nói riêng. Thêm vào đó là phương pháp so sánh để so sánh các chỉ tiêu đánh giá thu hút vốn FDI của EU vào Việt Nam. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp tổng hợp dùng để khái quát từng nội dung đã được phân tích để đưa ra các đánh giá, nhận định về tổng quan nghiên cứu, từ đó xác định khoảng trống cho nghiên cứu; tổ hợp các đánh giá, nhận định chung về tình hình thu hút FDI từ EU vào Việt Nam.

3. THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CỦA EU VÀO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - EU (EVFTA) CÓ HIỆU LỰC

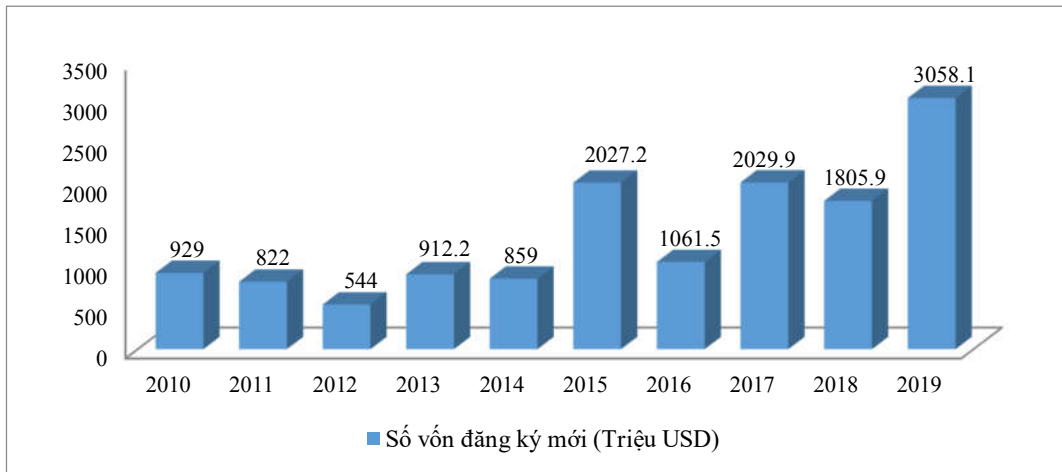
Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) được đánh giá là một hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới toàn diện, chất lượng cao. Hiệp định gồm 17 Chương, 2 Nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ kèm theo. Đặc biệt trong

EVFTA có các cam kết tự do hóa đầu tư nên các doanh nghiệp EU sẽ được hưởng các ưu đãi khi đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Đồng thời, những điều chỉnh, sửa đổi quy định pháp luật của Việt Nam để phù hợp với EVFTA trong một số lĩnh vực như sở hữu trí tuệ cũng sẽ góp phần giúp các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp EU nói riêng được hưởng sự bảo hộ cao hơn đối với hoạt động đầu tư sáng tạo. Do vậy, EVFTA được đánh giá sẽ tạo ra những cơ hội lớn để Việt Nam có thể thu hút các nhà đầu tư từ EU.

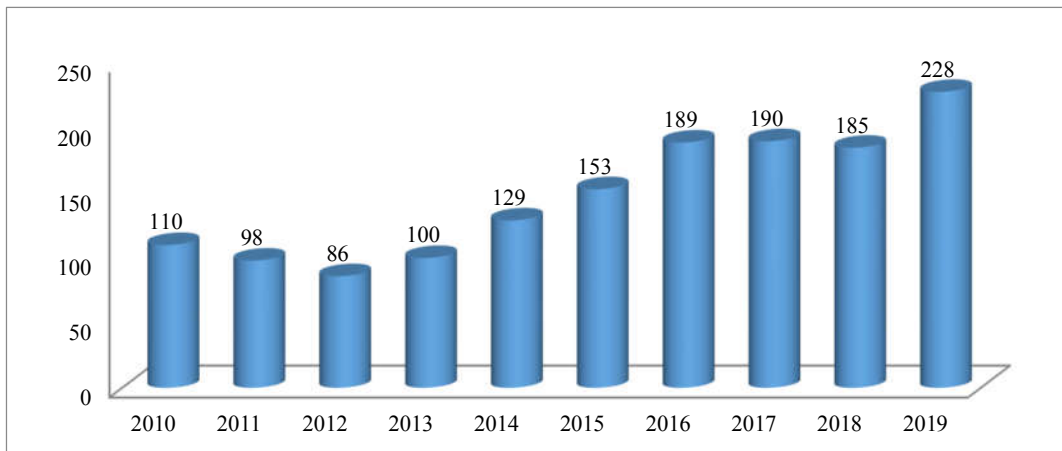
3.1. Thực trạng thu hút FDI của EU vào Việt Nam trước khi EVFTA và EVIPA có hiệu lực

* Xét về tổng vốn đăng ký và số dự án đầu tư

Kể từ sau khi Việt Nam ra nhập WTO vào năm 2007, sức hút của Việt Nam đối với EU tăng mạnh, điều đó được thể hiện qua lượng vốn đăng ký lũy kế đến năm 2010 đạt mức cao nhất tính tới thời điểm đó, 2.6 tỷ USD và tổng vốn thực hiện lũy kế vào khoảng 1.69 tỷ USD. Nhưng năm 2010 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các nhà đầu tư bị chậm lại vài năm sau, trong đó có cả luồng vốn đầu tư từ EU vào Việt Nam. Tính lũy kế đến 31/12/2019, EU là đối tác đầu tư lớn tại Việt Nam với 26/28 nước thành viên rót vốn đầu tư vào Việt Nam, có 2,339 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký là 24.26 tỷ USD, tương đương 7.27% tổng vốn FDI vào Việt Nam (Tổng cục thống kê, 2019). Vậy sau 10 năm kể từ năm 2010, tổng vốn đầu tư đăng ký lũy kế từ EU vào Việt Nam đã tăng lên gấp gần 10 lần. Mặc dù có sự gia tăng vốn đầu tư trong giai đoạn này, song tỷ trọng FDI của EU vào Việt Nam còn khiêm tốn trong tổng FDI của EU ra nước ngoài cũng như FDI của EU vào ASEAN nói chung (Nguyễn Thị Minh Phương, 2020).



Hình 1. Tổng vốn FDI đăng ký mới từ EU vào Việt Nam giai đoạn 2010-2019
 Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư qua các năm (2010-2019)



Hình 2. Số dự án FDI đăng ký cấp mới từ EU vào Việt Nam trong giai đoạn 2010-2019
 Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư qua các năm (2010-2019)

Về tổng giá trị dự án đăng ký mới của từng năm, cho thấy xu hướng gia tăng về tổng vốn FDI của EU vào Việt Nam, nhưng dòng vốn này có những biến động lên xuống không ổn định do chịu nhiều tác động của nền kinh tế toàn cầu nói chung và EU nói riêng.

Giai đoạn từ năm 2010-2014, Việt Nam chứng kiến sự sụt giảm đáng kể từ dòng vốn đầu tư nước ngoài từ EU, giá trị vốn đăng ký mới mỗi năm đều dưới 1 tỷ

USD (hình 1). Nguyên nhân tác động chính đến từ sự suy giảm kinh tế toàn cầu cũng như sự bất ổn kinh tế trong nước khi lạm phát tăng đặc biệt năm 2011, tăng trưởng kinh tế ở mức thấp hơn giai đoạn trước... Tình hình kinh tế trong nước chỉ bắt đầu có điểm sáng vào năm 2014. Điều này cũng kéo theo số lượng dự án cấp mới từ EU vào Việt Nam ở mức thấp, đặc biệt vào 3 năm: 2011 (98 dự án), 2012 (86 dự án), 2013 (100 dự án) (hình 2). Sang năm 2014, thì kinh tế Việt Nam đón những tín hiệu tích cực với sự

quay trở lại từ các nhà đầu tư EU khi các dự án đăng ký mới tăng lên 129 dự án.

Giai đoạn 2015-2019, giá trị vốn FDI đăng ký mới đều đạt trên 1 tỷ USD, thậm chí ở năm 2015, 2017 đạt mức trên 2 tỷ USD, đặc biệt hơn nữa ở năm 2019 ghi nhận mức trên 3 tỷ USD. Số lượng dự án đăng ký cấp mới của EU cũng đều trên 130 dự án mỗi năm, đỉnh điểm ghi nhận mức 228 dự án mới đăng ký vào Việt Nam trong năm 2019. Những biến động trên cho thấy FDI của EU vào Việt Nam phản ánh rõ nét những biến động của nền kinh tế toàn cầu và EU. Năm 2015, Việt Nam có tiến bộ đáng ghi nhận trong việc hoàn thiện hệ thống luật pháp liên quan đến đầu tư đặc biệt là Luật Đầu tư 2014 bắt đầu có hiệu lực vào 01/07/2015 đã tác động tích cực việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong đó có các nước EU. Năm 2016, khi khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đang gặp phải nhiều khó khăn kinh tế do biến động về mặt chính trị gây ra thì tại Việt Nam đối mặt với tình trạng tăng trưởng thấp và tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Điều này khiến cho nguồn vốn FDI đăng ký vào nước ta giảm mạnh. Tuy nhiên ngay sau năm đó, kinh tế Việt Nam đã ổn định hơn, đạt thành tựu đáng nói so với những năm trước như tăng trưởng kinh tế đạt 6.81% cao nhất kể từ năm 2011 (Tổng cục Thống kê). Kinh tế phát triển ổn định khiến cho lượng vốn FDI từ nước ngoài nói chung và từ EU nói riêng chạy vào với số lượng lớn khiến Việt Nam trở thành một “hiện tượng” của cả khu vực châu Á. Thành công đó được kéo dài và đạt đỉnh thu hút FDI vào năm 2019.

** Xét về lĩnh vực đầu tư*

Tại Việt Nam, 18/21 ngành kinh tế có sự xuất hiện của các nhà đầu tư EU. Nhưng vốn đầu tư không được phân bổ đều giữa các ngành mà đặc biệt chú trọng vào các lĩnh vực: Công nghiệp chế tạo chiếm 36.3% tổng vốn đầu tư trong đó chỉ tập trung vào các ngành như lọc hóa dầu, dệt may, ô tô và phương tiện vận tải, điện tử, chế biến thực

phẩm; sản xuất, phân phối điện, khí (20,7%), bất động sản (11%); thông tin và truyền thông (6,6%) (Nguyễn Thị Minh Phương, 2020). Đây đều là ngành công nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ mà Việt Nam đang định hướng phát triển. So với FDI từ Nhật Bản hay Hàn Quốc thì FDI từ EU đầu tư vào trải dài trên nhiều lĩnh vực hơn.

** Xét về địa bàn đầu tư*

Việt Nam luôn hướng tới việc phát triển kinh tế - xã hội đồng đều giữa các tỉnh thành và muốn thông qua FDI của các nhà đầu tư nước ngoài để phần nào thực hiện được mục tiêu đó. Tuy các nhà đầu tư EU có mặt trên 54 tỉnh thành song các dự án lại phần lớn tập trung các tụ điểm kinh tế lớn của Việt Nam và các vùng lân cận, tính riêng tỷ trọng FDI từ EU cho 5 khu vực kinh tế nổi bật tại nước ta thì Thành phố Hồ Chí Minh chiếm 15.1%, Bà Rịa - Vũng Tàu (15%), Hà Nội (14.8%), Quảng Ninh (9%), Đồng Nai (8.3%), Bình Dương (6.9%) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2019). Vậy 5 tỉnh thành trên đã chiếm xấp xỉ 70% FDI từ các nhà đầu tư EU. Điều này cho thấy trong việc rút ngắn khoảng cách phát triển kinh tế giữa các vùng thì FDI từ EU chưa giúp cải thiện được tình hình ở Việt Nam.

Tóm lại, sau hơn 30 năm kể từ ngày thiết lập mối quan hệ chính thức giữa hai bên, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài từ EU vào Việt Nam ngày một mở rộng hơn cả về quy mô vốn và số lượng dự án, góp phần không nhỏ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, hỗ trợ kinh tế Việt Nam chuyển dịch theo hướng tích cực, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động ngoại thương giữa hai bên.

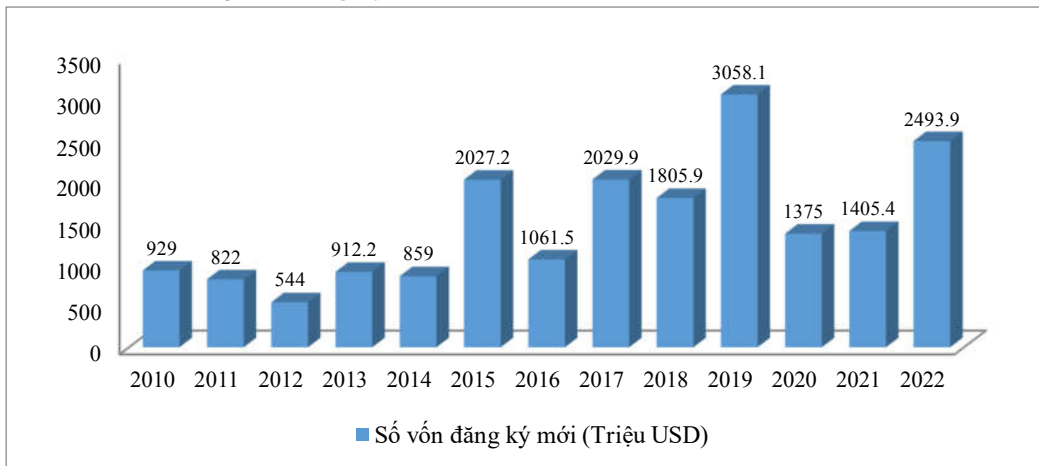
3.2. Thực trạng thu hút FDI của EU vào Việt Nam khi EVFTA có hiệu lực

Năm 2020, cùng với thời gian EVFTA có hiệu lực thì Vương quốc Anh cũng rời khỏi EU, EU trở lại còn 27 thành viên. Việc quốc gia này tách khỏi Khối liên minh châu Âu đã ảnh hưởng đến số

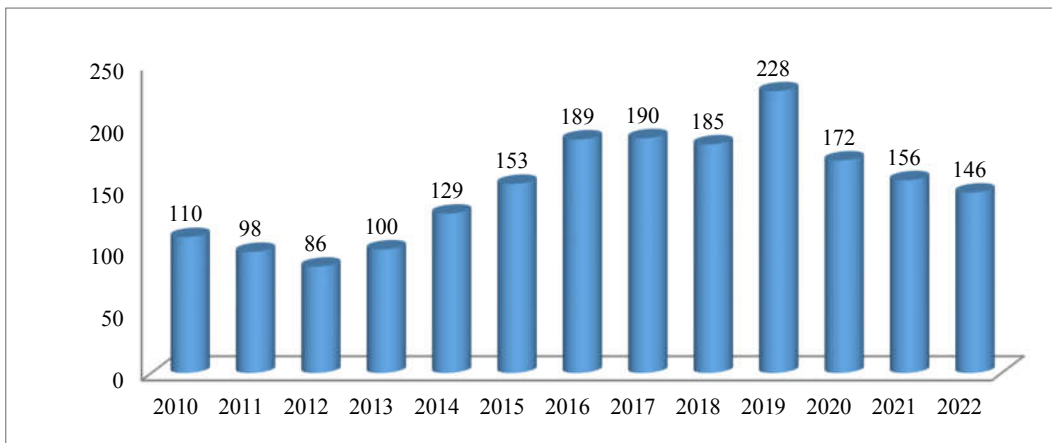
liệu FDI của toàn khối này. Đối với Việt Nam, Anh hiện đứng trong top 15 nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất, trong các nước châu Âu, Anh chỉ xếp sau Hà Lan khi tính đến tổng vốn và dự án đầu tư vào Việt Nam. Tính tới hết năm 2022, hiện có 25

quốc gia thuộc EU27 tham gia đầu tư vào Việt Nam. Tình hình thu hút FDI từ EU27 vào Việt Nam sau khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU có hiệu lực vào ngày 01/08/2020 được xem xét qua các mặt cơ bản:

* Xét về tổng vốn đăng ký và số dự án đầu tư



Hình 3. Tổng vốn FDI đăng ký mới từ EU vào Việt Nam giai đoạn 2010-2022



Hình 4. Số dự án FDI đăng ký cấp mới từ EU vào Việt Nam trong giai đoạn 2010-2022

Năm 2020, tổng lượng vốn đăng ký mới cũng như số lượng dự án đăng ký cấp mới từ EU vào Việt Nam đều giảm mạnh (giảm 55% tổng vốn đăng ký mới, 24.6% tổng số dự án đăng ký cấp mới so với năm 2019). Đây là thời điểm đại dịch Covid bùng nổ mạnh mẽ nhất trên thế giới. Điều này

khiến cho EVFTA không phát huy được tác động của mình trong việc thúc đẩy hoạt động thương mại giữa hai bên. Nhưng sang năm 2021, khi Việt Nam áp dụng các biện pháp chống dịch đạt hiệu quả nhất định thì dòng vốn của các nhà đầu tư EU lại bắt đầu quay trở lại và có sự tăng nhẹ so với năm

trước. Năm 2022, Việt Nam áp dụng “trạng thái bình thường mới” trong phòng, chống dịch Covid, các hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường trở lại. Tổng vốn FDI đăng ký mới vào Việt Nam tăng hơn 1 tỷ USD so với năm trước. Năm 2022, EU có 146 dự án đầu tư được cấp mới tại Việt Nam, mặc dù số các dự án mới có giảm nhẹ so với năm 2021 song quy mô vốn lại tăng hơn. Tuy nhiên tại Tọa đàm “FDI của EU vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA”, ông Nguyễn Chiến Thắng - Viện trưởng Viện Nghiên cứu châu Âu cho rằng: Quy mô các dự án của EU đầu tư còn nhỏ, chất lượng các dự án FDI của EU vào Việt Nam còn thấp.

* Xét về lĩnh vực đầu tư

Sau năm 2020, cũng giống như giai đoạn trước, Việt Nam với nguồn tài nguyên còn dồi dào và lao động giá rẻ vẫn là một điểm thu hút các nhà đầu tư EU để thực hiện các công đoạn lắp ráp, chế biến sản phẩm bán trong nước và xuất khẩu. Song hướng đầu tư của các nhà đầu tư EU không chỉ dừng lại ở các lĩnh vực đó mà đã dần mở rộng sang cả những ngành như logistics, dịch vụ ăn uống, năng lượng sạch, tài chính... Đây là một tín hiệu mừng cho Việt Nam, giúp cho Việt Nam có cơ hội được chuyển giao công nghệ mới từ EU trong lĩnh vực đó. Trong lĩnh vực logistics, với lợi thế địa lý có bờ biển trải dài, có nhiều cảng biển, cảng hàng không quốc tế nên gia tăng khả năng kết nối giao thương giữa Việt Nam với thế giới. Chính điều này đã thu hút nhiều tập đoàn logistics đến từ EU tiến hành hoạt động đầu tư mới tại Việt Nam như Tập đoàn Vận chuyển Địa Trung Hải - MSC của Ý, Tập đoàn CMA- CGM... Đặc biệt chịu ảnh hưởng mạnh bởi chính sách thương mại mới của EU, nên FDI vào Việt Nam trong giai đoạn này và các năm sắp tới cũng sẽ hướng nhiều tới lĩnh vực chuyển đổi số và kinh tế xanh, dấu hiệu dễ nhận thấy chính là sự xuất hiện của các tập đoàn lớn trong lĩnh vực này như Orsted (Đan Mạch), Tập đoàn Năng

lượng Quốc gia Na Uy - Equinor (nhà đầu tư phát triển các dự án điện gió ngoài khơi hàng đầu trên thế giới), Tập đoàn PNE (CHLB Đức). Để nắm bắt được những cơ hội đầu tư lớn từ EU vào Việt Nam trong các lĩnh vực năng lượng sạch, kinh tế xanh... thì Việt Nam cần nhanh chóng kiện toàn cơ chế đầu tư và hành lang pháp lý để thuận tiện cho việc đăng ký và triển khai thực hiện các dự án. Đây hiện là một nút thắt rất lớn đối với Việt Nam khi tiếp nhận đầu tư vào các lĩnh vực này.

* Xét về địa bàn đầu tư

Trong 3 năm gần đây, các dự án đầu tư của các nhà đầu tư EU vẫn trải dài khắp Việt Nam. Nhưng nguồn vốn vẫn tập trung lớn vào một số địa bàn như Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bắc Ninh... Điều này khiến cho mục tiêu phát triển đồng đều các khu vực kinh tế của Việt Nam khó đạt được. Những địa phương khác do hạn chế về cơ sở hạ tầng, cũng như nguồn lực không đáp ứng được yêu cầu nên chưa thu hút các nhà đầu tư cũng như các dự án chất lượng cao đến từ EU.

Nhìn chung, với những cam kết trong EVFTA, Việt Nam hi vọng sẽ có những lực để khiến dòng vốn FDI từ EU vào thị trường trong nước ngày càng nhiều hơn trong thời gian tới, không chỉ gia tăng về số lượng các dự án mà cả về chất lượng của từng dự án FDI. Các lĩnh vực kinh tế có sự tham gia của các nhà đầu tư EU sẽ ngày càng nhiều hơn. Các tỉnh thành đón nhận nguồn vốn FDI từ EU đồng đều hơn.

4. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA EU VÀO VIỆT NAM KHI EVFTA CÓ HIỆU LỰC

4.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, gia tăng vốn FDI từ một số quốc gia EU vào Việt Nam và một số ngành lĩnh vực thế mạnh của EU kể từ khi EVFTA có hiệu lực. Tính lũy kế đến hết năm 2022, EU có 2,324 dự án (tăng 100 dự án so với cùng kỳ năm 2021) từ 26/27 quốc gia thuộc EU còn hiệu lực tại Việt Nam với vốn đầu tư đăng ký đạt 27.579 tỷ USD (tăng 1.9 tỷ

USD so với năm 2021), chiếm 6.41% tổng vốn đầu tư đăng ký của các nước và vùng lãnh thổ vào Việt Nam và chiếm 6.69% tổng số dự án (Tổng cục Thống kê, 2022). So với năm 2019, thì tổng vốn đăng ký lũy kế năm 2022 tăng 34.24% so với năm 2019, số dự án lũy kế đến năm 2022 cũng tăng 18.5%. Vậy sau khi EVFTA có hiệu lực, đã góp phần thúc đẩy hoạt động tư của các nhà đầu tư EU dần chuyển hướng sang Việt Nam mặc cho bối cảnh đại dịch Covid 19, bất ổn kinh tế chính trị thế giới.

Thứ hai, các chính sách thu hút FDI nói riêng và hệ thống văn bản pháp luật thực thi Hiệp định EVFTA đã có sự cải cách, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh. Việt Nam đã nghiêm túc và nỗ lực trong việc xây dựng, sửa đổi các văn bản pháp luật, từ đó tháo gỡ dần các khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách cho các nhà đầu tư nước ngoài cũng như các doanh nghiệp trong nước tận dụng được cơ hội mà EVFTA mang đến. Hơn nữa, để tuân thủ nội dung cam kết trong Hiệp định EVFTA, Việt Nam đã sửa đổi các văn bản pháp luật cho phù hợp như Luật Đầu tư, các quy định về sở hữu trí tuệ, thuế quan....Cụ thể, Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan đã sửa đổi, ban hành mới 08 văn bản quy phạm pháp luật, những văn bản này ở cấp Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư trong các lĩnh vực liên quan đến thuế quan, nông nghiệp, xuất xứ hàng hóa và phòng vệ thương mại. Đây đều là những bước đi cần thiết để hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế chính sách cho phù hợp với thông lệ quốc tế, với cam kết trong EVFTA cũng như tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các nhà đầu tư EU và các nhà đầu tư trong nước.

Thứ ba, Việt Nam là điểm sáng trong việc thu hút nguồn vốn từ EU để đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, lĩnh vực năng lượng sạch, và các ngành khác là thế mạnh của các nhà đầu tư EU. Shell Group (Hà Lan), Total Elf Fina (Pháp - Bỉ),

Daimler Chrysler (Đức), Siemens, Alcatel Comvik (Thụy Điển)... đều là các tập đoàn lớn đến từ EU đang hoạt động hiệu quả tại Việt Nam. Xu thế đầu tư của EU chủ yếu vẫn tập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ cao. Tuy nhiên, sau khi EVFTA có hiệu lực, thì có sự dịch chuyển dòng vốn đến các ngành dịch vụ (bưu chính viễn thông, tài chính, văn phòng cho thuê, bán lẻ), lĩnh vực năng lượng sạch, công nghiệp phụ trợ, chế biến thực phẩm, nông nghiệp công nghệ cao, dược phẩm... nhiều hơn so với giai đoạn trước.

4.2. Những hạn chế và nguyên nhân

*** Hạn chế**

Thứ nhất, sau khi EVFTA có hiệu lực, hoạt động đầu tư của EU vào Việt Nam chưa tạo thành một xu hướng ổn định, lượng vốn và số lượng dự án còn rất hạn chế so với hoạt động FDI của các nhà đầu tư EU. Sau khi EVFTA có hiệu lực, số lượng dự án đăng ký mới có tăng nhẹ, nhưng đây chủ yếu là các dự án được các nhà đầu tư EU khảo sát, chuẩn bị thủ tục pháp lý từ những năm trước đó để tới năm 2020, 2021 nhận được giấy phép đầu tư. Do đó, EVFTA có hiệu lực không phải là nguyên nhân chính dẫn đến biến động trong hoạt động FDI từ EU vào Việt Nam trong hai năm này. Còn lượng vốn đăng ký mới vào Việt Nam năm 2022 mới là kết quả của EVFTA tác động tới, lượng vốn này chưa bằng lượng vốn FDI đăng ký vào trong năm 2019. Nhìn chung, các nhà đầu tư truyền thống tới từ châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore vẫn là các đối tác chính có lượng vốn lớn vào thị trường Việt Nam. Trong số các quốc gia thành viên EU, chỉ có duy nhất Hà Lan đứng thứ 9 trong Top 10 quốc gia/vùng lãnh thổ có vốn đầu tư lớn nhất vào Việt Nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Thứ hai, về lĩnh vực và hình thức đầu tư: Hiện nay FDI của EU vẫn hướng tới mục tiêu khai thác tài nguyên, tận dụng nguồn lao động giá rẻ để thực hiện các công đoạn lắp ráp, chế biến sản phẩm bán trong nước và

xuất khẩu. Trong khi đó, số lượng dự án trong các lĩnh vực mà Việt Nam quan tâm thu hút như các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, tài chính ngân hàng,... vẫn ít. Về hình thức đầu tư chủ yếu của EU chiếm đa số vẫn hình thức 100% vốn nước ngoài, sau đó là hình thức liên doanh. Hình thức BT, BOT, PPP chiếm tỷ lệ khá ít. Điều này dẫn tới tính liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp trong nước còn kém, cũng như tác động lan tỏa từ các doanh nghiệp FDI còn nhiều hạn chế.

Thứ ba, quy mô các dự án FDI của các quốc gia EU còn nhỏ so với tiềm lực kinh tế của các nhà đầu tư. Tuy hoạt động đầu tư từ EU vào Việt Nam có xu hướng tăng nhẹ song quy mô vốn mỗi dự án còn rất khiêm tốn so với tiềm lực của các nhà đầu tư. Năm 2014, giá trị đăng ký trung bình trên một dự án mà EU đầu tư vào Việt Nam là 14.62 triệu USD, những năm sau đó quy mô dự án giảm xuống tới mức hơn 9 triệu USD/dự án, sau năm 2019 có sự tăng dần quy mô và đạt mức trung bình là 11.6 triệu USD/ dự án đăng ký vào năm 2022. Nhưng nếu so sánh với các đối tác Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, mặc dù trong bối cảnh khó khăn của dịch bệnh nhưng quy mô các dự án FDI vào Việt Nam của các đối tác này lại rất cao. Đối tác Singapore đã có các siêu dự án gần đây như nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) tại Bạc Liêu với số vốn đăng ký lên tới 4 tỷ USD, dự án khu nghỉ dưỡng Nam Hội An ở Quảng Nam với mức đầu tư dự kiến 4 tỷ USD.

* Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, tác động của đại dịch Covid-19 khiến cho nền kinh tế toàn cầu đi xuống, chuỗi cung ứng hàng hóa bị gián đoạn nghiêm trọng, hoạt động đầu tư cũng thay đổi xu hướng. Đại dịch Covid làm giảm nhu cầu tiêu dùng của người dân trong nhiều lĩnh vực, khiến hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn. Nhiều doanh nghiệp FDI phải cắt giảm nhân sự, thu hẹp quy mô, nhiều dự án FDI phải tạm

dừng vì khó khăn về tài chính, nguồn lực lao động và sự đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa giữa các khu vực, các lãnh thổ. Khiến cho hoạt động FDI của EU vào Việt Nam cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong giai đoạn 2019-2022.

Thứ hai, chính sách thu hút FDI của Việt Nam còn tồn tại những bất cập, hành lang pháp lý còn chưa hoàn thiện khiến cho nhiều dự án FDI gặp khó khăn trong việc cấp giấy phép và triển khai dự án trong thời gian dài, đặc biệt là các dự án FDI trong lĩnh vực mới như năng lượng sạch, logistics... Hơn nữa, việc tiến hành điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung văn bản pháp luật liên quan đến FDI tạo ra tâm lý e ngại của nhà đầu tư về môi trường kinh doanh không ổn định của Việt Nam

Thứ ba, cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, thiếu tính đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư. So với nhiều nước trong khu vực như Singapore, Thái Lan, Malaysia, đường xá, cầu, cảng, bến bãi... của Việt Nam được đánh giá còn thấp hơn so với các nước bạn trong khu vực. Mạng lưới giao thông chưa kết nối giữa các loại đường, giữa đường với cảng, giữa các vùng nên chưa có khả năng phát triển vận tải đa phương thức. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc mở rộng thu hút FDI vào nhiều ngành nghề lĩnh vực mới.

Thứ tư, nguồn lao động chất lượng chưa cao. Người lao động hiện đang làm cho các doanh nghiệp FDI của EU tại Việt Nam đã qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp còn thấp. Hơn nữa lượng nhân lực đã qua đào tạo chưa phù hợp với yêu cầu thực tế, khiến cho các doanh nghiệp sau khi tiếp nhận lao động phải mất một khoảng thời gian để đào tạo, hướng dẫn lại. Ngoài ra, việc dịch chuyển cơ cấu kinh tế, hoạt động đầu tư được mở rộng sang nhiều lĩnh vực kinh tế khiến cho cung và cầu lao động thay đổi, trong khi các ngành đào tạo trong nhà trường chưa bắt kịp được xu thế sử dụng lao động của các doanh nghiệp.

5. KẾT LUẬN

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU là một hiệp định FTA thế hệ mới với những nội dung cam kết giữa hai bên đối tác sâu và rộng hơn những hiệp định FTA thế hệ cũ. Chính điều này mang lại kỳ vọng cho các bên tham gia, EVFTA sẽ tạo ra một đòn bẩy thúc đẩy hoạt động ngoại thương giữa Việt Nam và các quốc gia EU. Đặc biệt, Việt Nam mong với những điều chỉnh quy định pháp luật, những thuận lợi về tài nguyên và lao động cùng với việc ký kết thành công EVFTA có thể tạo ra sức hút lớn hơn nữa đối với các nhà đầu tư EU. Nhưng hiện nay, những tác động thực sự của EVFTA đối với kinh tế Việt Nam và dòng vốn đầu tư từ EU vào Việt Nam chưa được như kỳ vọng và dự đoán trước đó, lượng vốn đầu tư và số lượng dự án đầu tư với quy mô lớn còn rất hạn chế. Điều này cho thấy sự tác động của EVFTA vào hoạt động đầu tư từ các quốc gia trong EU chưa rõ nét, một phần là do những tác động của dịch bệnh Covid-19 và hạn chế về chính sách pháp luật, cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực, và công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam còn non trẻ, thiếu liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. Biện pháp đề ra để giải quyết các vấn đề còn tồn tại cũng như tăng cường kết quả đã đạt được trong việc thu hút FDI từ EU vào Việt Nam trên cơ sở tận dụng các cơ hội mà EVFTA mang lại là nội dung còn để ngỏ mà bài viết chưa đề cập tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. An Nhi (2023), Thu hút hiệu quả FDI từ EU vào Việt Nam khi thực hiện EVFTA chưa đạt được kỳ vọng, *Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương Việt Nam*, truy cập ngày 20 tháng 9 năm 2023, từ

<https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiep-dinh-evfta/thu-hut-hieu-qua-fdi-tu-eu-vao-viet-nam-khi-thuc-thi-evfta.html>

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020), Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2020, *Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2021, từ: <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=48566&idcm=208>

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021, *Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, truy cập ngày 23 tháng 11 năm 2022, từ: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=52648&idcm=208>

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 8 tháng đầu năm 2022, *Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2022, từ <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=55076&idcm=49>

5. Lê Như Quỳnh (2022), “Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam đến năm 2030”, *Luận án tiến sĩ, Đại học Thương mại*, Hà Nội.

6. Nguyễn Minh Phương (2020), “Đánh giá tác động dự kiến của hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam”, *Luận án tiến sĩ, Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia*, Hà Nội.

7. Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê 2010, 2011, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022*, Nhà xuất bản Thống kê.

8. Trần Thị Phương Mai (2017), “Nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Hải Phòng”, *Luận án tiến sĩ, Trường Học viện Tài chính*, Hà Nội.